

ỦY BAN THẨM PHÁN

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 11/2021/DS-GĐT

Ngày 28/4/2021

V/v “*Tranh chấp về đòi di sản*”

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán Lại Văn Trinh - Phó Chánh án làm chủ tọa phiên tòa.

Thẩm phán Vũ Th Liêm - Thành viên

Thẩm phán Nguyễn Th Long - Thành viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quang Hưng – Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng** tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp đòi di sản thừa kế*”, giữa các đương sự:

1. *N đơn:* bà Nguyễn Thị N; cư trú: X N, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí M.

2. *Bị đơn:* ông Lê Quốc D; cư trú: X đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị S; cư trú: thôn T, xã Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Trần Thị Thu Th, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph, bà Phan Thị Thu Tr, ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước Th và ông Phan Phước M; cùng cư trú: Khu phố X, phường Th, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Phan Phước D1; cư trú: thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn H1, bà Hoàng Thị Kim A; cùng cư trú: X đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Cháu Lê Huỳnh Tr2 (sinh năm 2013) và cháu Lê Hoàng N (sinh năm 2015);

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn H1 (cha), bà Hoàng Thị Kim A (mẹ); cùng cư trú: X đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê T; cư trú: Tổ K, T 1, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng;

- Bà Lê Thị T1; cư trú: M, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê Văn A1, ông Lê Văn T1; cùng cư trú: Tổ K, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê Văn Ô; cư trú: Tổ K, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- N đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: vợ chồng cô Phan Phước Tuy và cố Nguyễn Thị An có 11 con chung, nhưng 8 người con chết lúc còn nhỏ, chỉ còn 03 con là cụ Phan Thị Đẩu (chết năm 1991), cụ Phan Phước Đễ (chết năm 1952) và cụ Phan Thị Trọng (chết năm 2004). Cụ Đẩu có chồng là cụ Nguyễn Tinh (chết năm 1945) có 02 người con là Bà và bà Nguyễn Thị S; cụ Đễ có vợ là cụ Nguyễn Thị Cận (chết năm 1953), có 03 người con là ông Phan Phước Lật (chết 1943), ông Phan Phước Hải (chết năm 1945) và ông Phan Lượm (chết năm 2009, có vợ là bà Trần Thị Thu Th và 08 người con là anh Phan Phước Tr1, anh Phan Phước A, anh Phan Phước D1, anh Phan Phước Th, anh Phan Phước M, chị Phan Thị Thu Ng, chị Phan Thị Thu Ph, chị Phan Thị Thu Tr). Cụ Trọng có chồng là cụ Lê Láo (chết năm 1963). Cụ Trọng, cụ Láo không có con riêng, con chung, con nuôi. Cụ Trọng chết năm 2004, không để lại di chúc. Năm 1990, Nhà nước giao cho cụ Trọng sử dụng lô đất diện tích 105 m² tại thửa số 37, tờ bản đồ 81, địa chỉ Tổ 34, phường H (nay là N), quận H, thành phố Đà Nẵng. Năm 2007, ông Lê Quốc D xây nhà trên thửa đất số 37 của cụ Trọng thì bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S (02 người gọi cụ Trọng là di ruột) ngăn cản, yêu cầu dừng thi công và tháo dỡ nhà, trả đất cho bà N, bà S nhưng ông D không thực hiện. Bà N, bà S khiếu nại nhưng chính quyền giải quyết không thành nên nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thửa đất 37 nêu trên là di sản thừa kế của cụ Trọng để lại cho các đồng thừa kế hàng thứ ba theo quy định của pháp luật, gồm: bà N, bà S, bà Trần Thị Thu Th, ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr; yêu cầu ông D dỡ nhà trả đất cho các đồng thừa kế của cụ Trọng.

- Bị đơn là ông Lê Quốc D trình bày: năm 1990, Ông là bộ đội xuất ngũ về công tác tại phường H, quận H và có cùng hộ khẩu với cụ Phan Thị Trọng. Vợ chồng cụ Lê Láo, cụ Phan Thị Trọng không có con chung, con riêng, con nuôi; cụ Láo là liệt sĩ, hy sinh năm 1963, cụ Trọng chết năm 2004 không để lại di chúc. Giai đoạn 1990-1993, Ủy ban nhân dân phường H chủ trương cấp đất cho gia đình chính sách nên Ông, cụ Trọng có làm đơn xin cấp đất với căn cứ Ông là bộ đội xuất ngũ, còn cụ Trọng là vợ liệt sĩ; do đó UBND phường H cấp 01 lô đất đứng tên cụ Trọng nhưng Ông là người ký nhận đất, nộp lệ phí cấp đất và nộp thuế sử dụng đất. Ngày 24/12/1990, Ông D có Đơn xin và được UBND phường cấp phép xây nhà cấp 4 trên đất, cũng từ năm 1990 đến khi chết, cụ Trọng làm thuê giúp việc ở nơi khác nên nhà đất do mình Ông quản lý, sử dụng. Năm 2004, Ông mua thêm của Nhà nước rẻo đất giáp vỉa hè, đồng thời kê khai và được UBND quận H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri AG 001490 ngày 14/9/2006, công nhận vợ chồng Ông được quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ 81, diện tích 69,8 m². Năm 2007, Ông xin và được cấp phép xây dựng lại nhà nhưng quá trình

xây dựng bị bà N, bà S khiếu nại nên ngày 10/4/2007 UBND quận H ban hành Quyết định số 737/QĐ-UBND thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình Ông. Vì các lý do trên nên vợ chồng Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu tháo dỡ nhà, trả lại đất cho các thừa kế của cụ Trọng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu Th (vợ ông Phan Lượm) và các con của vợ chồng bà Th, ông Lượm thống nhất với lời trình bày và đề nghị của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N, đồng ý để bà N đứng tên quản lý di sản thừa kế của cụ Trọng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Lê T và cụ Lê Thị T1 trình bày: hai Cụ là anh chị ruột của cụ Lê Láo. Nguồn gốc đất tranh chấp Nhà nước cấp chung cho cụ Trọng và ông D vì cùng hộ khẩu. Từ năm 2006, ông D đã làm nhà ở kiên cố trên đất nên hai Cụ đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn A1 trình bày: ông là con của cụ Lê Xước, cụ Xước là em của cụ Lê Láo, Ông không có ý kiến gì về tranh chấp giữa bà N với ông D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Kim A (con dâu ông D) trình bày: năm 2013, Bà về làm dâu nhà ông D, Bà không có đóng góp gì đối với nhà đất tranh chấp, Bà không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Ô trình bày: Ông có nhận của vợ chồng ông D 15.000.000 đồng tiền công mà Ông công bồi trúc thửa đất tranh chấp, Ông không có ý kiến gì.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 Luật đất đai. Điều 166, 221, 609, 651 và 652 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Quốc D, xử:

1. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất là 60,9 m², tại thửa số 37, tờ bản đồ 81, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sử dụng bà Phan Thị Trọng được để lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà Trọng gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu Th, ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr.

2. Giao toàn bộ tài sản gắn liền với đất nói trên là ngôi nhà có kết cấu nhà 03 tầng, tường xây, mái tôn + đúc, sàn đúc, gác lửng đúc, nền gạch men với diện tích sử dụng là 224 m² cho những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà Trọng gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu Th, ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan

Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr được quyền sở hữu.

3. Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà Trọng gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu Th, ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr phải có nghĩa vụ trích trả cho vợ chồng ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H giá trị tài sản gắn liền với đất và công bồi trừc đất nói trên tổng cộng số tiền là 855.521.240đ.

4. Buộc vợ chồng ông Lê Quốc D, bà Nguyễn Thị H, anh Lê Văn H1 (con ông Lê Quốc D), bà Hoàng Thị Kim A (là con dâu ông Lê Quốc D) cháu Lê Huỳnh Tr2 và cháu Lê Hoàng N (là hai cháu nội của ông Lê Quốc D) phải giao trả lại toàn bộ nhà và đất nói trên cho những người thuộc hàng thừa kế thứ 3 của bà Phan Thị Trọng gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu Th, ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr trọn quyền sử dụng và sở hữu.

5. Những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của bà Trọng gồm bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Thu Th, ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 81, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá tài sản; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

- Ngày 15/3/2018, bị đơn là ông Lê Quốc D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê T, bà Nguyễn Thị H kháng cáo Bản án sơ thẩm.

- Ngày 16/3/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N kháng cáo Bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2018/DS-PT ngày 17/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 Luật đất đai; Điều 166, 221, 612, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê T.

2/ Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Quốc D và chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “Đòi di sản

thừa kế” đối với ông Lê Quốc D.

2.2. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất là 60,9 m², tại thửa đất số 37, tờ bản đồ 81, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của bà Phan Thị Trọng để lại cho những người thừa kế của bà Trọng gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S và ông Phan Lượm (do ông Lượm chết nên bà Trần Thị Thu Th là vợ và các con ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr được hưởng phần tài sản của ông Lượm).

2.3. Giao toàn bộ lô đất tại thửa số 37, tờ bản đồ 81, phường N quận H, thành phố Đà Nẵng, gắn liền với ngôi nhà 03 tầng có kết cấu tường xây, mái tôn + đúc, sàn đúc, gác lửng đúc, nền gạch men cho ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng.

Ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

2.4. Sau khi khấu trừ 30% tiền công sức duy trì bảo quản, tôn tạo đất của ông D được hưởng, thì di sản thừa kế của bà Trọng còn lại là 1.908.582.998 đồng.

2.5. Buộc ông Lê Quốc D và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất số tiền là 1.908.582.998 đồng (Một tỉ chín trăm lẻ tám triệu năm trăm tám mươi hai ngàn chín trăm chín mươi tám đồng) cho những người thuộc hàng thừa kế của bà Phan Thị Trọng gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S và ông Phan Lượm (do ông Lượm chết nên bà Trần Thị Thu Th là vợ và các con gồm ông Phan Phước Tr1, ông Phan Phước A, ông Phan Phước D1, ông Phan Phước Th, ông Phan Phước M, bà Phan Thị Thu Ng, bà Phan Thị Thu Ph và bà Phan Thị Thu Tr được hưởng giá trị phần tài sản của ông Lượm).

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

- Ngày 28/7/2018, bà Nguyễn Thị N có Đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2020/KN-DS ngày 16/12/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2018/DS-PT ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hàng thừa kế: căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, *Biên bản họp hội đồng gia tộc Phan Phước* thôn Tri Phương, xã Điện Phong ngày 28/4/2007, được UBND xã Điện Phong xác nhận, có đủ cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai của cụ Trọng không còn ai, chỉ có những người ở hàng thừa kế thứ ba (là cháu gọi cụ Trọng là cô ruột, dì ruột) gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị S và ông Phan Lượm (ông Lượm chết năm 2009 nên các con của ông Lượm thừa kế đối với phần di sản ông Lượm được hưởng. Ông Lê Quốc D là con cụ Lê T, cụ Lê T là em Liệt sỹ Lê Láo (chồng cụ Trọng) nên ông D không thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản của cụ Trọng.

[2] Về nhà, đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 81, diện tích đất đo đạc thực tế 69,80 m², Tờ 10, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng:

- Đối với nhà: các đương sự đều thừa nhận căn nhà 3 tầng trên thửa đất tranh chấp nêu trên là do ông D xây dựng.

- Đối với đất: bị đơn ông D cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do UBND phường H cấp cho Ông và cụ Trọng vào năm 1990, Ông là người nộp tiền ủng hộ ngân sách địa phương đối với đối tượng chính sách xin đất làm nhà ở (Phiếu thu ngày 09/11/1990) và nộp thuế nhà, đất thể hiện tại các biên lai thu thuế nhà, đất; nhận thấy, việc chỉ căn cứ vào các tài liệu này thì chưa đủ cơ sở pháp lý để khẳng định diện tích đất tranh chấp được cấp cho ai mà phải xem xét, đánh giá tổng thể các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan, toàn diện, cụ thể: tại *Đơn xin sử dụng đất làm nhà* ngày 01/11/1990 (bút lục 151), thể hiện cụ Phan Thị Trọng (có chồng là cụ Lê Láo, hy sinh năm 1963) là người ký đơn xin Nhà nước cấp lô đất diện tích 105 m² tại Tờ 30, khối Tuyên Sơn (đất do UBND phường H quản lý) để làm nhà ở, được UBND phường H xác nhận: “*Bà Phan Thị Trọng là vợ liệt sỹ thường trú tại địa phương hiện đang gặp khó khăn về nhà ở. Qua đơn xin sử dụng đất làm nhà của bà Trọng địa phương xét thấy không có gì trở ngại. Nói chung khu đất trên thuộc diện đất thổ cư do UBND phường quản lý. Bà Trọng chờ khi nào có quyết định cấp đất của UBND tỉnh mới được làm nhà. Kính chuyển UBND tỉnh và thành phố xem xét, giải quyết*”; tại *Sơ đồ vị trí khu đất làm nhà* ngày 06/11/1990 do Ủy ban nhân dân phường H lập (bút lục 150), cũng thể hiện khu đất làm nhà đứng tên bà Phan Thị Trọng; tại *Bản cam kết* ghi ngày 06/11/1990 (bút lục 79) của cụ Trọng gửi UBND phường H, có nội dung cụ Trọng trình bày Cụ đã được UBND phường H giao đất, nay cụ Trọng xin phép xây dựng nhà ở; tại *Biên bản về việc đền bù di chuyển nhà ở và hoa màu* ngày 20/11/1995 (bút lục 789) của Ban quản lý đền bù giải tỏa thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, thể hiện Sở có thực hiện việc đền bù nhà, đất của cụ Trọng khi bị thu hồi do giải tỏa làm đường 2 Tháng 9 với số tiền đền bù cho cụ Trọng là 8.413.260 đồng; tại Quyết định số 491/QĐ-UB ngày 30/5/2000 (bút lục 787), UBND quận H, quyết định: “*Chấp nhận đơn khiếu nại của bà Phan Thị Trọng ... Đề nghị UBND thành phố cho phép bà Phan Thị Trọng được lập thủ tục để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 60/CP ngày*

05/7/1994 của Chính phủ đối với phần diện tích đất 60,9 m² còn lại trong lô đất đã cấp cho bà Trọng trước đây”; tại Văn bản số 2694/UB-ĐCND ngày 08/11/2000 (bút lục 675), UBND thành phố Đà Nẵng, quyết định: “Cho phép hộ ông Lê Văn Ô được tiếp tục sử dụng phần diện tích nhà, đất 31,39 m² theo hiện trạng tại tổ 34 phường H, quận H. Phần diện tích nhà, đất còn lại là 61,27 m² bà Phan Thị Trọng được trực tiếp quản lý, sử dụng ...”; sau đó, cụ Trọng có làm Bản tự khai về vị trí đất ở, gửi Tổ công tác thực hiện Nghị định 60/CP của UBND phường H, để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Cụ; đồng thời, tại Biên bản về việc họp xác minh hồ sơ thừa kế và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/6/2006 của Tổ dân phố 10, phường H, xác định: “Lô đất và tài sản gắn liền với tại tổ 10, phường N có nguồn gốc của ông Lê Lão sinh năm 1929 (chết năm 1963) và bà Lê Thị Trọng sinh năm 1932 (chết năm 2004) được UBND phường H cấp đất năm 1990 ...”; hơn nữa, Tại văn bản số 642/UBND-PTNMT ngày 04/5/2017 (bút lục 274), Ủy ban nhân dân quận H cũng xác định: “thừa đất số 69 (37 cũ), tờ bản đồ số 26 (81 cũ), diện tích 69,8 m² có nguồn gốc do UBND phường H (cũ) cấp cho ông Lê Lão (chết) và bà Phan Thị Trọng vào năm 1990”.

Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp do Nhà nước cấp cho cụ Phan Thị Trọng năm 1990, việc Tòa án hai cấp xác định quyền sử dụng diện tích đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của cụ Trọng là có căn cứ.

[3] Về diện tích đất thực tế của cụ Trọng được cấp:

Tại Văn bản số 2694/UB-ĐCND ngày 08/11/2000, UBND thành phố Đà Nẵng xác định cụ Trọng được quyền quản lý, sử dụng 61,27 m² đất; trong khi đó, diện tích đất thực tế hiện nay là 69,80 m². Theo ông D khai diện tích tăng thêm là khi Ông kê khai, đăng ký để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ông có mua thêm phần đất rẻo do Nhà nước quản lý nhưng Tòa án hai cấp chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ diện tích đất tăng có đúng như lời trình bày của ông D hay không mà đã xác định phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của ông D, còn phần diện tích đất 60,9 m² là di sản của cụ Trọng, là chưa đủ cơ sở.

[4] Về công sức đóng góp và việc giao di sản bằng hiện vật:

- Đối với công sức đóng góp: ngày 09/11/1990, ông D có đóng 500.000 đồng tiền ủng hộ ngân sách địa phương đối với đối tượng chính sách xin đất làm nhà để ở; trích trả 15.000.000 đồng cho ông Lê Văn Ô tiền công bồi trúc đất đã cấp cho cụ Trọng; quá trình sử dụng đất, ông D có công gìn giữ, tôn tạo đất; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức của ông D là 181.520.000 đồng là chưa tương xứng, Tòa án cấp phúc thẩm tính công sức của ông D là 30 % giá trị di sản (tương đương 1 kỷ phân) là thỏa đáng.

- Đối với việc giao di sản bằng hiện vật: Tòa án cấp sơ thẩm giao di sản của cụ Trọng bằng hiện vật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của cụ Trọng, còn Tòa án cấp phúc thẩm giao di sản của cụ Trọng bằng hiện vật cho ông D. Xét thấy, như đã phân tích trên, thì diện tích đất tranh chấp được xác định là di sản của cụ Trọng chết để lại cho các đồng thừa kế nêu trên, ông D không phải là người thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản nên ông D chỉ là người ở nhờ trên đất của

cụ Trọng, thì không thể căn cứ vào việc ông D ở trên đất này từ năm 1990 đến nay, gia đình có nhu cầu về nhà ở để giao quyền sử dụng đất như trường hợp chia tài sản thuộc *sở hữu chung* hoặc *chia thừa kế*; mà đối với trường hợp này, phải giao lại di sản của cụ Trọng cho các đồng thừa kế.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2020/KN-DS ngày 16/12/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên được chấp nhận; do vậy, cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2018/DS-PT ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2018/DS-PT ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng về vụ án “Tranh chấp đòi di sản thừa kế” giữa nguyên đơn là ông bà Nguyễn Thị N với bị đơn là ông Lê Quốc D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học-TANDTC;
- Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng (2 bản kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Trình